TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Kim Thành

2. Bà Đặng Thị Châu Loan

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thu Giang – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Huyền Tr, sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú: Số 8 đường Ph, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 46 đường Ng, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định; có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Doãn T, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Đ5P14 phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; hiện đang chấp hành án tại: Đội 10, Phân trại 1, Trại giam N; có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-01-2024, bản tự khai ngày 22-01-2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Chị Vũ Thị Huyền Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và Anh Trần Doãn T tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 24-11-2014. Vợ chồng chị chung sống bình thường đến khoảng năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh T có chơi bời, chị đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vi phạm pháp luật nên anh T bị Toà án nhân dân thành phố N xử phạt 05 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Hiện nay, anh T đang chấp hành án tại Trại giam N. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với Anh Trần Doãn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Doãn Thiên A, sinh ngày 28-01-2014 (Giới tính: Nam). Hiện con chung đang sống với chị. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ngày 31-01-2024, Chị Vũ Thị Huyền Tr có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

2. Tại bản tự khai ngày 30-01-2014, bị đơn là Anh Trần Doãn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận điều kiện và hoàn cảnh kết hôn như Chị Vũ Thị Huyền Tr trình bày. Anh xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh có xảy ra bất đồng quan điểm. Hiện nay anh đang phải chấp hành án tại Trại giam N. Hiện tại anh chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và Chị Vũ Thị Huyền Tr có 01 con chung là Trần Doãn Thiên A, sinh ngày 28-01-2014 (Giới tính: Nam). Hiện nay cháu Anh đang sống cùng chị Tr và ông bà ngoại. Do hoàn cảnh của anh hiện nay nên phải giao cháu Anh cho chị Tr nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Ngày 30-01-2024, Anh Trần Doãn T có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 23-01-2023 của Toà án tại địa phương nơi cư trú của Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T xác nhận: Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 24-11-2014 tại Uỷ ban nhân dân phường V, thành phố N. Anh T và chị Tr có 01 con chung là Trần Doãn Thiên A, sinh ngày 28-01-2014 (Giới tính: Nam). Hiện nay cháu Anh đang sống cùng chị Tr tại nhà bố mẹ đẻ của chị Tr tại phường M, thành phố N. Quá trình chung sống của chị Tr và anh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng chính quyền địa phương không nắm được nguyên nhân cụ thể. Giữa năm 2022, anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Nay chị Tr yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung với anh T, đề nghị Toà án hỏi ý kiến, nguyện vọng của anh chị và giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 29-01-2024 của cháu Trần Doãn Thiên A: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ,

quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là Chị Vũ Thị Huyền Tr và bị đơn là Anh Trần Doãn T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Vũ Thị Huyền Tr. Về con chung, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Doãn Thiên A cho Chị Vũ Thị Huyền Tr trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Doãn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là Chị Vũ Thị Huyền Tr phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị Huyền Tr có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với Anh Trần Doãn T. Xét thấy, tranh chấp giữa chị Tr và anh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Anh Trần Doãn T đăng ký thường trú tại: Đ5P14 phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

1.3. Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là Chị Vũ Thị Huyền Tr và bị đơn là Anh Trần Doãn T đều có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Tr và anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 24-11-2014 tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị Tr và anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, anh T vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án. Mặc dù anh T chưa đồng ý ly hôn

nhưng bản thân anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Còn chị Tr giữ nguyên yêu cầu giải quyết ly hôn với Anh Trần Doãn T.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Tr và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T.

2.2. Về nuôi con chung: Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T có 01 con chung là Trần Doãn Thiên A, sinh ngày 28-01-2014 (Giới tính: Nam).

Hiện tại cháu Trần Doãn Thiên A đang sống với chị Trang. Chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh. Đồng thời cháu Anh cũng có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trần Doãn Thiên A cho Chị Vũ Thị Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Doãn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là Chị Vũ Thị Huyền Tr phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Doãn Thiên A, sinh ngày 28-01-2014 (Giới tính: Nam) cho Chị Vũ Thị Huyền Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Doãn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Doãn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Huyền Tr phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn). Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) chị Tr đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001938 ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Chị Vũ Thị Huyền Tr và Anh Trần Doãn T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. N
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường V, TP. N (ĐK ngày 24-11-2014);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang